TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/DS-PT
Ngày: 17/6/2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu;

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Thành - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2025/TLPT-DS ngày 19/5/2025, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 18/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2025/QĐ-PT ngày 27/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đặng Tuấn M; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Ngọc L; Sinh ngày: 05/11/1983; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/6/2025. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Đặng Văn T; Sinh ngày: 01/01/1985; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Lê Thị Ngọc H; Sinh ngày: 24/3/1990; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Vào tháng 01/2023 ông M và vợ chồng ông T, bà H có thỏa thuận hùn vốn mua bò để bán thịt, ông M đã giao cho ông T và bà H tổng số tiền 150.000.000 đồng để hùn vốn. Vợ ông M phải vay tiền nên cũng sợ lỗ, lúc đó vợ chồng ông T và bà H khẳng định với vợ chồng ông M là sẽ lời, không lỗ vì đã từng làm, để vợ ông M yên tâm vay tiền vô hùn vốn gốc 150.000.000 đồng. Ông M đã giao cho ông T và bà H thì vẫn giữ nguyên, khi nào ông M nghỉ thì ông M sẽ lấy lại số tiền 150.000.000 đồng này, việc hùn vốn giữa ông M với ông T và bà H chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm giấy tờ, cũng không có người chứng kiến.

Trong thời gian làm ăn với nhau rất thuận lợi, thu được lợi nhuận ông M đã chia đúng như thỏa thuận, đến ngày 27/10/2023 ông M không muốn tiếp tục hùn vốn nữa nên ông M có thông báo cho ông T và bà H cho ông M nhận lại số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 27/3/2024 ông T và bà H đã trả cho vợ ông M (bà L) được số tiền 70.000.000 đồng là khoản tiền của bà L, còn lại số tiền 80.000.000 đồng là của riêng ông M và ông M đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà H trả cho ông M nhưng ông T và bà H không đồng ý.

Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc H phải trả cho ông M số tiền còn lại là 80.000.000 đồng.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn T, bà Lê Thị Ngọc H trình bày như sau:

Vào tháng 01/2023 ông M và vợ chồng ông có thỏa thuận hùn vốn mua bò để bán thịt, ông M đã giao cho ông T, bà H tổng số tiền 150.000.000 đồng để hùn vốn. Trong thời gian làm ăn với nhau rất thuận lợi, thu được lợi nhuận ông, bà đã chia đúng như thỏa thuận, đến ngày 27/10/2023, ông T, bà H không muốn tiếp tục hùn vốn nữa do ông M lo ăn nhậu, không lo làm ăn nên ông M có thông báo cho ông T, bà H nhận lại số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 27/3/2024 ông T, bà H đã trả cho vợ ông M là bà L được số tiền 70.000.000 đồng, còn lại số tiền 80.000.000 đồng ông T, bà H cũng đã trả cho ông M nhiều lần để tiêu xài cá nhân. Tuy không có giấy tờ gì chứng minh nhưng ông T, bà H có quay video lại trong đó ông M thừa nhận có nhận đủ 80.000.000 đồng của ông T, bà H vào ngày 17/02/2024.

Nay ông T, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M đã thanh toán đủ cho ông M số tiền 80.000.000 đồng còn lại.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Tuyên xử: Buộc bị đơn ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Đặng Tuấn M số tiền là 80.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01/4/2025, bị đơn ông Đặng Văn T, bà Lê Thị Ngọc H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đặng Tuấn M.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Biên bản kiểm tra nội dung USB ngày 19/02/2025 được các bên đương sự thừa nhận nội dung, thể hiện ông M nợ bà H 80.000.000 đồng và ông M đồng ý cấn trừ vào tiền hùn vốn mua bán bò còn lại là 80.000.000 đồng và đến nay ông M không chứng minh được việc đã thanh toán cho bà H số tiền 80.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông M là bà L thừa nhận chữ viết của bà L trong tờ giấy viết có nội dung còn 80.000.000 đồng còn lại ông M và bà H tự tính. Cho nên có đủ cơ sở xác định bị đơn đã thanh toán đủ cho ông M tổng số tiền 150.000.000 đồng. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho ông M số tiền 80.000.000 đồng là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn T, bà Lê Thị Ngọc H lập và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 01/4/2025 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều

271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, xem xét lại bản án sơ thẩm trình tự phúc thẩm.

[2] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất xác định vào tháng 01/2023, ông M là người trực tiếp hùn vốn với vợ chồng ông T, bà H số tiền là 150.000.000 đồng để mua bò về làm thịt bán lại. Trong quá trình, thực hiện mua bán, khi tính sổ sách có tiền lời thì chia tiền cho ông M do ông M trực tiếp nhận hoặc do vợ chồng ông M, bà L nhận. Đến ngày 27/10/2023, hai bên thỏa thuận ngừng việc hùn vốn mua bán và ông M yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả lại số tiền đã hùn vốn. Đến ngày 27/3/2024, vợ chồng ông T, bà H đã trả lại cho ông M số tiền là 70.000.000 đồng (do bà L nhận). Đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn ông T, bà H còn nợ ông M 80.000.000 đồng chưa thanh toán nên khởi kiện đòi lại số tiền 80.000.000 đồng. Ngược lại, phía bị đơn cho rằng ông M đã nhận đủ số tiền 80.000.000 đồng qua nhiều lần ông M đi thu tiền của khách hàng mua thịt bò không giao tiền lại cho ông T, bà H quản lý nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét tại Biên bản kiểm tra nội dung USB do Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú lập ngày 19/02/2025 (bút lục số 37) kiểm tra nội dung file ghi âm trao đổi giữa các bên trong vụ án thể hiện ông M thừa nhận có nợ tiền bà H số tiền 80.000.000 đồng và hứa khi ba ông M bán được đất sẽ thanh toán, nếu không kịp thì cấn trừ vào số tiền hùn vốn còn lại là 80.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà L thừa nhận chữ viết của mình trong tờ giấy tập mà bị đơn cung cấp và giải thích của các bên đương sự có ghi nhận nội dung "còn trong 150.000.000 đồng, bà H nợ bà L 70.000.000 đồng, còn 80.00.000 đồng giữa ông M thì bà H và ông M tự tính". Như vậy, có thể xác định mặc dù ông M là người trực tiếp giao tiền hùn vốn với vợ chồng ông T, bà H nhưng số tiền 150.000.000 đồng là tiền của vợ chồng ông M, bà L và ông M là người đại diện giao dịch với vợ chồng ông T, bà H và ông M đã nhiều lần đi thu tiền của khách hàng mua thịt bò không giao tiền lại cho ông T, bà H quản lý nên hai bên thống nhất xác định là ông M nợ bà H số tiền là 80.000.000 đồng và ông M đã thống nhất cấn trừ vào khoản tiền 80.000.000 đồng hùn vốn còn lại. Xét khoản tiền hùn vốn của ông M và khoản nợ của ông M với bà H cũng xuất phát từ hoạt động hùn vốn mua bò về làm thịt bán lại kiếm tiền lời của ông M với vợ chồng ông T, bà H nên cần thiết phải được xem xét trong cùng vụ án này. Như vậy, phía vợ chồng ông T, bà H đã thanh toán lại cho ông M đầy đủ khoản tiền hùn vốn là 150.000.000 đồng gồm thanh toán cho bà L nhận thay ông M là 70.000.000 đồng và ông M là 80.000.000 đồng từ việc ông M nhiều lần giữ lại tiền bán thịt bò không giao cho vợ chồng ông T, bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị đơn hoàn trả cho ông M số tiền 80.000.000 đồng là không có cơ sở, không phù hợp tài liệu, chứng cứ và sự thật khách quan của vụ án.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận đề

nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T, bà H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M, về việc buộc bị đơn ông T, bà H hoàn trả số tiền 80.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn T, bà Lê Thị Ngọc H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và phần Quyết định của bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đặng Tuấn M, về việc buộc bị đơn ông Đặng Văn T, bà Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Đặng Tuấn M số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Đặng Tuấn M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007586 ngày 31/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê Đặng Tuấn M phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đặng Văn T và bà Lê Thị Ngọc H mà mỗi người là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007727 và 0007726 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện M (02 bản);
- Chi cục THADS huyện M (01 bản);
- Các đương sự (03 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ